

Bản án số: **44/2026/HC-ST**

Ngày: 05/02/2026

*Về việc: Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Yến

Bà Lê Thanh Quế

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 98/2021/TLST-HCST ngày 08/10/2021, về khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2025/QĐXX-HC ngày 04/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 386/2025/QĐST-HC ngày 22/12/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1930; Địa chỉ: Số I P, P, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Bích L1** (tức **Nguyễn Thị L1**) sinh năm 1955; Địa chỉ: Số I P, P, thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bị kiện: **Chủ tịch UBND Thành phố H**

Địa chỉ: Số G Đ, phường H, Hà Nội (vắng mặt).

Người có quyền lợi liên quan:

- **Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Hà Nội** (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Bích L1**, sinh năm 1955; SĐT: 0975686009 (có mặt).

Địa chỉ: Số I P, P, thành phố Hà Nội

- Ông **Nguyễn Xuân L2**; sinh 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà F phố N, phường V, Hà Nội

- Ông **Nguyễn Xuân L3**; sinh 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà F phố N, phường V, Hà Nội

- Ông **Nguyễn Xuân C**; sinh 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà F phố N, phường V, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện, người ủy quyền trình bày như sau:

1. Thửa đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L (do bà L1 là người đại diện) đang quản lý và sử dụng diện tích là 143,3m² nằm trong Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UBND ngày 03/04/2009 của UBND Thành phố H là không đúng pháp luật, vì đã trải qua 17 năm, các dự án mở rộng đường giao thông đã được hoàn thành. Ban dự án, chủ đầu tư đã giải thể. Quyết định đó chỉ được thi hành trong thời gian 12 tháng nên đến nay đã hết hiệu lực (16 năm).

2. Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 cho rằng thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, là trái với khoản 4 Điều 50 Luật đất đai 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2005) nay là Điều 100 Luật đất đai 2013, Điều luật quy định:

“...loại đất đai sử dụng không có các loại giấy tờ nhưng đã sử dụng trước ngày 15/10/1993, hoặc có một trong các loại giấy tờ có xác nhận của UBND xã, phường mà đất đó không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch của địa phương thì được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”.

3. Trong quyết định số 5159/QĐ-UBND phân kết quả xác minh Sở T1 đã làm rõ và thừa nhận: “Diện tích 143,3m² đất bà Nguyễn Thị Bích L1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) đề nghị cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số F, nay là F N, phường Đ, quận L, TP Hà Nội (nay là phường V, thành phố Hà Nội) có nguồn gốc sử dụng do được nhà máy Diêm Thống Nhất cấp đất cho gia đình bà Nguyễn Thị L từ trước năm 1974...”. Thế nhưng hành vi hành chính trong Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 do người ký và phát hành văn bản ông Nguyễn Quốc H cố ý làm trái, bịa đặt, ...nói rằng: “Toàn bộ diện tích 143,3m² bà L1 đang khiếu nại nằm trong phạm vi thu hồi đất của quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 03/04/2003 của UBND Thành phố”.

Nhưng kết quả đối thoại UBND quận L khẳng định: “Diện tích đất này chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi nào khác, chứng tỏ chưa có dự án công bố công khai nào”.

Do đó gia đình chúng tôi có căn cứ để khởi kiện ông Chu Ngọc A người đứng đầu cơ quan UBND Thành phố H theo quy định của luật tố tụng hành chính. Do hành vi hành chính ban hành quyết định hành chính do lỗi cố ý gây ra. Xâm phạm quyền lợi, lợi ích hợp pháp của gia đình Tôi.

Đề nghị tòa án giải quyết như sau:

1. Hủy Quyết định số 5159/QĐ-UBND của UBND Thành phố H.
2. Yêu cầu UBND Thành phố thực hiện cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 143,3m² cho gia đình bà L theo khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, nay là khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013.

Ủy ban nhân dân phường Đ có ý kiến:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị Bích L1, bà Nguyễn Thị L:

Đất ở có nguồn gốc của gia đình bà Nguyễn Thị L được UBND xã T cấp năm 1976 với diện tích 200m². Ngày 21/4/1994 UBND huyện G có 02 Quyết định:

Quyết định số 136/QĐ-UB giao cho gia đình bà L được sử dụng 200m² và tạm thời để bà L quản lý và sử dụng các công trình đã xây dựng trên diện tích đất 174m² nằm trong chỉ giới quy hoạch quốc lộ A.

Quyết định số 137/QĐ-UB thu hồi 741m² đất của gia đình bà L đang chiếm dụng bất hợp pháp tại số F phố T, thị trấn Đ. Diện tích 200m² của gia đình bà L có 165m² được chia cho 3 người con trai là ông Nguyễn Xuân L2, ông Nguyễn Xuân L3, ông Nguyễn Xuân C.

Sau GPMB đường Ngô Gia Tự phần diện tích bà L và bà L1 sử dụng đã thu hồi GPMB hết chỉ còn lại một phần diện tích đất đã chia cho 3 người con trai bà L. Năm 2013 UBND phường đã lập hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký đất đai cho các ông Nguyễn Xuân L2, ông Nguyễn Xuân L3, ông Nguyễn Xuân C với nội dung: Nguồn gốc đất của các ông Nguyễn Xuân L2, ông Nguyễn Xuân L3, ông Nguyễn Xuân C được bà Nguyễn Thị L chia cho năm 1998 có giấy viết tay chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, năm 2010 UBND quận L đã thu hồi một phần thửa đất để thực hiện dự án: Nâng cấp quốc lộ A đoạn cầu Chui – cầu Đ.

Văn bản số 1246/UBND-TNMT ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận L như sau:

Về việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Bích L1 với nội dung: “Đề nghị đo đạc, xác định mốc giới đối với phần diện tích đất còn lại sau giải phóng mặt bằng của bà Nguyễn Thị L; xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức tái định cư tại chỗ và cấp phép xây dựng cho gia đình bà Nguyễn Thị L”. Sau khi tổ chức rà soát, xem xét hồ sơ. Ủy ban nhân dân quận L có ý kiến như sau:

1. Về đo đạc, xác định mốc giới đối với phần diện tích đất còn lại:

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty CP T2 đo vẽ ngày 27/5/2019 (do bà L1 chỉ dẫn mốc giới) diện tích đất gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang sử dụng là 143,3 m² đất;

Hiện trạng sử dụng: Trên đất đã xây dựng nhà B3 diện tích xây dựng 68,3m²; nhà B2 diện tích xây dựng 28,7m²; nhà G1 diện tích xây dựng 46,3m², gia đình bà L1 đang sử dụng 143,3 m² vào mục đích đất để ở.

2. Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Căn cứ Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị N quận L tỷ lệ 1/2000;

- Căn cứ quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 09/02/2011 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến phố N tại phường Đ, phường V, phường G, phường T quận L;

- Căn cứ Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4 2003 của UBND thành phố H về việc thu hồi 2.369.783 m² đất tại Thị trấn Đ và các xã: Thượng Thanh, V, G, G, huyện G; tạm giao cho Tổng công ty Đ (Bộ X) để tổ chức điều tra lập phương án giải phóng mặt bằng, triển khai Dự án đầu tư tạo chỉnh trang tuyến phố N và xây dựng Khu đô thị M - G.

Sau khi kiểm tra xem xét hồ sơ, đối chiếu với quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Thửa đất của hộ gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng nằm trong quy hoạch đường giao thông (nút giao đường 48 mét với đường N) và nằm trong Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của Ủy ban nhân dân

Thành phố, Quyết định này cho đến nay vẫn còn hiệu lực. Mặt khác tuyến đường 48 mét giao cắt với đường N hiện nay, Tổng công ty Đ đang triển khai thực hiện dự án.

Căn cứ quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như sau: Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, thửa đất của gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L:

Giữ nguyên nội dung Văn bản số 1246/UBND-TNMT ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận L do khiếu nại không có cơ sở.

Quyết định số 5159/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố H:

Bà Nguyễn Thị Bích L1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) khiếu nại Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L về giải quyết khiếu nại liên quan đến việc UBND quận L không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Bà đối với phần diện tích 143,3m² còn lại sau giải phóng mặt bằng tại địa chỉ số nhà F (địa chỉ mới là số F) đường N, quận L, vì cho rằng: diện tích 143,3m² đất của gia đình Bà có nguồn gốc sử dụng là đất thổ cư của gia đình sử dụng từ trước năm 1980, thửa đất nằm ngoài ranh giới giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp Quốc lộ A đoạn cầu Chui - cầu Đ, gia đình bà chưa nhận được thông báo thu hồi đất hay quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kết quả giải quyết lần đầu: Ngày 16/7/2019, UBND quận L có Văn bản số 1246/UBND- TNMT trả lời bà Nguyễn Thị Bích L1 đại diện cho bà Nguyễn Thị L về việc đo đạc, xác định mốc giới, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại sau giải phóng mặt bằng của bà Nguyễn Thị L ở địa chỉ trên trong đó có nội dung:

“Sau khi kiểm tra xem xét hồ sơ, đối chiếu với quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Thửa đất của hộ gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng nằm trong quy hoạch đường giao thông (nút giao đường 48m với đường N) và nằm trong Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Quyết định này cho đến nay vẫn còn hiệu lực... căn cứ quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thửa đất của gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Do bà Nguyễn Thị Bích L1 có đơn khiếu nại. Ngày 16/9/2019, Chủ tịch UBND quận L có Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Bích L1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) trong đó, có nội dung: “Giữ nguyên nội dung văn bản số 1246/UBND-TNMT ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận L do khiếu nại không có cơ sở”.

Kết quả kiểm tra, xác minh của Sở T1 đã làm rõ:

Diện tích 143,3m² đất bà Nguyễn Thị Bích L1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) khiếu nại đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ số F (địa chỉ mới là số F) đường N, phường Đ, quận L có nguồn gốc sử dụng do được Nhà máy Diêm Thống Nhất cấp đất cho gia đình bà Nguyễn Thị L từ trước năm 1974 trên diện tích đất do Hợp tác xã N quản lý, nhưng không có diện tích cụ thể.

Năm 1976, Hợp tác xã N đã thu tiền đền bù hoa màu trên diện tích 200m² đất. Quá trình sử dụng, gia đình bà L tự sử dụng thêm 289m² đất để làm vườn và toàn bộ phần đất ao liền kề có diện tích hơn 600m². Như vậy, tổng diện tích gia đình bà L sử dụng khoảng 1.089m² đất.

Năm 1996, UBND huyện G đã cho phép Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện G sử dụng 582m² đất của gia đình bà Nguyễn Thị L để làm nhà để xe. Tuy nhiên, đến nay gia đình bà L vẫn chưa nhận tiền đền bù do đang khiếu nại việc thu hồi đất.

Ngày 03/4/2003, UBND Thành phố có Quyết định số 1809/QĐ-UB về việc thu hồi 2.639.783m² đất tại thị trấn Đ và các xã: Thượng Thanh, V, G, G, huyện G; tạm giao cho Tổng Công ty Đ (Bộ X) để tổ chức điều tra lập phương án giải phóng mặt bằng, triển khai Dự án đầu tư cải tạo chỉnh trang tuyến phố N và xây dựng Khu đô thị M - G. Theo đó, toàn bộ diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị L nằm trong phạm vi thu hồi đất của Quyết định số 1809/QĐ-UB nêu trên.

Thực hiện Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 29/5/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án và kế hoạch đầu thầu dự án cải tạo QL1A cầu Chui - cầu Đ, trong đó giao UBND quận L làm chủ đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ A đoạn cầu Chui - cầu Đ (đường N), ngày 28/9/2009, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 5016/QĐ-UBND giao 140.710m² đất tại các phường: Thượng Thanh, Đ, G, V thuộc quận L, giao cho UBND quận L để thực hiện Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ A đoạn cầu Chui - cầu Đ (phố N). Trong đó, gia đình bà Nguyễn Thị L đã bị thu hồi 569,6m² đất.

Hiện trạng, gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng là 143,3m² đất, toàn bộ diện tích này nằm trong phạm vi, ranh giới thu hồi đất của Quyết định số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của UBND Thành phố.

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong đó:

“6. Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Căn cứ quy định trên, diện tích 143,3m² đất nêu trên của gia đình bà Nguyễn Thị L không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chủ tịch UBND Thành phố H xác định việc Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2019 giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Bích L1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) là đúng quy định. Khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bích L1, là khiếu nại sai.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin vâng mặt.

Ngày 15/01/2026 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 308-15 diện tích 38m²; Thửa đất số

47, tờ bản đồ số 308-5 diện tích 29,6m²; Thửa đất số 47 (2) + 48, tờ bản đồ số 308-5 diện tích 55,2m² và diện tích 20,5m² đất cạnh Thửa đất số 47 (2) + 48, tờ bản đồ số 308-5. Tổng diện tích là 143,3m² tại địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận L, Hà Nội (nay là Số nhà F, 632, 634 phố N, phường V, Hà Nội). UBND phường V cũng cung cấp vị trí các thửa đất trên có diện tích là 143,3m², hoàn toàn nằm trong quy hoạch đường giao thông (nút giao đường 48m với đường N) và nằm trong Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Tại phiên tòa:

Bà L1 là đại diện theo ủy quyền của bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tòa án chấp nhận.

Bà trình bày là các thửa đất trên có diện tích 143,3m² là của bố mẹ bà, có nguồn gốc sử dụng do được Nhà máy Diêm Thống Nhất cấp đất từ trước năm 1974, trên diện tích đất do Hợp tác xã N quản lý. Bố bà là ông Nguyễn Xuân C1 (sinh ngày 01/01/1930, chết ngày 11/7/2014), ông nội bà là cụ Nguyễn Xương P (tức Nguyễn Xương L4, đã chết ngày 28/02/1958 âm lịch), bà nội bà là cụ Nguyễn Thị T (sinh năm 1902, đã chết ngày 03/01/1993 âm lịch). Bố mẹ bà có 05 người con là: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1953, trú tại: A phố N, V, Hà Nội, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Xuân L3, ông Nguyễn Xuân L2 và ông Nguyễn Xuân C. Bà L có nguyện vọng đề nghị các con ủng hộ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L rồi sẽ tặng cho cho các con.

Ông C: Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại; việc cấp, tông đạt các văn bản tố tụng cho đương sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. Tuy nhiên, vụ án đã để quá thời hạn chuẩn bị xét xử nên rút kinh nghiệm.

Về nội dung:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Luật đất đai năm 2013, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà L.
- Người khởi kiện được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về đối tượng khởi kiện: Bà L khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố H và thực hiện việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 143,3m² tại các số nhà F, 632, 634 phố N,

phường Đ, quận L, TP Hà Nội (nay là phường V, thành phố Hà Nội) cho gia đình bà L. Đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/4/2021 bà L nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định hành chính nêu trên và thực hiện việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H có đơn xin vắng mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử vắng mặt.

[1.4] Khi xem xét Quyết định khởi kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định liên quan khác theo khoản 1 Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Xét văn bản số 1246/UBND-TNMT ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận L:

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, UBND quận L ban hành văn bản số 1246/UBND-TNMT ngày 16/7/2019 là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về nội dung: Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Căn cứ Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị N quận L tỷ lệ 1/2000;

- Căn cứ quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 09/02/2011 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến phố N tại phường Đ, phường V, phường G, phường T quận L;

- Căn cứ Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của UBND thành phố H về việc thu hồi 2.369.783 m² đất tại Thị trấn Đ và các xã: Thượng Thanh, V, G, G, huyện G; tạm giao cho Tổng công ty Đ (BỘ X) để tổ chức điều tra lập phương án giải phóng mặt bằng, triển khai Dự án đầu tư tạo chỉnh trang tuyến phố N và xây dựng Khu đô thị M - G.

Theo hiện trạng xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ của UBND phường V cung cấp thì Diện tích 143,3m² tại địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận L, Hà Nội (nay là Số nhà F, 632, 634 phố N, phường V, Hà Nội) hoàn toàn nằm trong Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc quy hoạch đường giao thông (nút giao đường 48m với đường N).

Xét thấy, Thửa đất của hộ gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB, Quyết định này cho đến nay vẫn còn hiệu lực. Mặt khác tuyến đường 48 mét giao cắt với đường N hiện nay, Tổng công ty Đ đang triển khai thực hiện dự án.

Căn cứ quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. UBND quận L xác định thửa đất của gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang quản lý sử dụng không đủ điều

kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là có cơ sở.

Cho nên, Bác yêu cầu của bà L về việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với diện tích 143,3m² tại địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận L, Hà Nội (nay là Số nhà F, 632, 634 phố N, phường V, Hà Nội) cho gia đình bà L.

[2.2.] Xét Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai:

Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

Chủ tịch UBND quận L và Chủ tịch UBND Thành phố H đã ban hành Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên nội dung văn bản số 1246/UBND-TNMT ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân quận L là có căn cứ như đã phân tích ở trên.

- Chủ tịch UBND Thành phố H đã ban hành Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai, giữ nguyên Quyết định số 1614/QĐ-CTUBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L là có cơ sở như đã phân tích ở trên.

Do đó, bác yêu cầu khởi kiện của bà L về việc hủy Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật đất đai năm 2024 thì đối với các dự án treo, tuy có Quyết định thu hồi đất như Quyết định số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của UBND thành phố H về việc thu hồi 2.369.783 m² đất tại Thị trấn Đ và các xã: Thượng Thanh, V, G, G, huyện G; tạm giao cho Tổng công ty Đ (Bộ X) để tổ chức điều tra lập phương án giải phóng mặt bằng, triển khai Dự án đầu tư tạo cảnh quan tuyến phố N và xây dựng Khu đô thị M - G, thì sau một thời gian dài không tổ chức thực hiện, thì UBND cấp có thẩm quyền vẫn có thể xem xét cấp giấy chứng nhận QSD đất ở, QSH nhà ở và tài sản trên đất cho người dân có yêu cầu.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty CP T2 đo vẽ ngày 27/5/2019 (do bà L1 chỉ dẫn mốc giới) diện tích đất gia đình bà L (do bà L1 là đại diện) đang sử dụng là 143,3 m² đất;

Hiện trạng sử dụng: Gia đình bà L1 đang sử dụng diện tích 143,3 m² trên vào mục đích đất để ở.

Hiện trạng xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ của UBND phường V cung cấp thì Diện tích 143,3m² tại địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận L, Hà Nội (nay là Số nhà F, 632, 634 phố N, phường V, Hà Nội) hoàn toàn nằm trong Quyết định thu hồi đất số 1809/QĐ-UB ngày 03/4/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Do đó, Quyết định số 5159/QĐ- UBND phân kết quả xác minh Sở T1 đã xác nhận: “Diện tích 143,3m² đất bà Nguyễn Thị Bích L1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) đề nghị cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 668 này là F N,

phường Đ, quận L, TP Hà Nội (nay là phường V, thành phố Hà Nội) có nguồn gốc sử dụng do được nhà máy Diêm Thống Nhất cấp đất cho gia đình bà Nguyễn Thị L từ trước năm 1974...” là có cơ sở.

Đối với việc cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình bà L trên, thì các đương sự chưa thống nhất làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất ở, QSH nhà ở và tài sản trên đất vì chưa làm khai nhận di thừa kế của chồng bà L theo quy định pháp luật. Nếu có sự tranh chấp về di sản thừa kế thì cần phải giải quyết xong, thì mới có thể xem xét cấp Giấy chứng nhận QSD đất ở, QSH nhà ở và tài sản trên đất cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

Các trình bày khác của đương sự, đại diện theo ủy quyền không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét.

Lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà L được miễn án phí vì người cao tuổi.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật đất đai năm 2013;
- Luật khiếu nại năm 2011;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc:

1.1. Hủy Quyết định số 5159/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố H.

1.2. Yêu cầu UBND Thành phố H thực hiện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 143,3m² tại địa chỉ: Tổ A, phường Đ, quận L, Hà Nội (nay là Số nhà F, 632, 634 phố N, phường V, Hà Nội) cho gia đình bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí vì người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *Tòa PT TANDTC tại Hà Nội;*
- *Viện PT VKSNDTC tại Hà Nội;*
- *VKSND TP. Hà Nội;*
- *THADS TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN NGỌC HÒA